

## **Tiểu luận**

# **HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

# Phần 1 :

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1/ ĐỊNH NGHĨA :

Ngân hàng thương mại là loại ngân hàng trực tiếp giao dịch với các công ty, xí nghiệp, tổ chức kinh tế, các cơ quan đoàn thể và các cá nhân ... bằng việc nhận tiền gửi, tiền tiết kiệm rồi sử dụng số vốn đó để cho vay, chiết khấu, cung cấp các phương tiện thanh toán và cung ứng các dịch vụ ngân hàng

Theo Luật các tổ chức tín dụng 07/1997/QH10 và Luật số 20/2004/QH11 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng : “Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan”

Có thể nói rằng ngân hàng thương mại là định chế tài chính trung gian quan trọng vào loại bậc nhất trong nền kinh tế thị trường. Các nguồn tiền nhàn rỗi nằm rải rác trong xã hội sẽ được ngân hàng huy động lại, để cấp tín dụng cho các tổ chức kinh tế, cá nhân

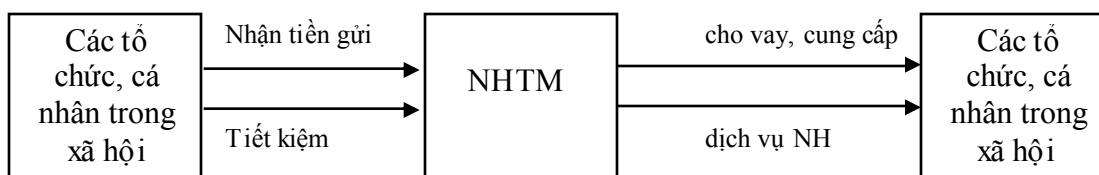
Luật số 06/1997/QH10 về Ngân hàng Nhà nước và Luật số 10/2003/QH11 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nêu rõ : “Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán”

Từ đó có thể nói về bản chất của Ngân hàng thương mại như sau :

- Ngân hàng thương mại là một loại hình doanh nghiệp và là một đơn vị kinh tế. Nó có cơ cấu, tổ chức bộ máy như một doanh nghiệp bình đẳng

trong quan hệ kinh tế với các doanh nghiệp khác, tự chủ về kinh tế và có nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước

- Ngân hàng thương mại hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng và dịch vụ ngân hàng. Những lĩnh vực này góp phần cung ứng một khối lượng vốn tín dụng rất lớn cho nền kinh tế - xã hội
- Hoạt động của ngân hàng thương mại mang tính chất kinh doanh



Hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam bao gồm :

- Ngân hàng Thương mại quốc doanh
- Ngân hàng Thương mại cổ phần
- Ngân hàng liên doanh
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

## 2/ CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI :

- **Chức năng tạo ra tiền** : Ngân hàng Thương mại thực hiện chu chuyển tiền, góp phần gia tăng khối tiền tệ phục vụ cho nhu cầu của nền kinh tế

$$S_n = \frac{U_1}{1-q}$$

$S_n$  : tổng số tiền được tạo ra

$U_1$  : số tiền gửi lúc đầu của khách hàng

$q = 1 -$  tỷ lệ dự trữ bắt buộc

- **Chức năng trung gian tài chính** : đây là chức năng quan trọng và cơ bản nhất của ngân hàng thương mại. Thông qua các nghiệp vụ tín dụng, thanh toán, kinh doanh tiền tệ, kinh doanh chứng khoán và các nghiệp vụ khác, ngân hàng thương mại đứng ra huy động các nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế, biến chúng thành nguồn vốn tín dụng để cho vay đáp ứng các nhu cầu vốn kinh doanh và vốn đầu tư cho các ngành kinh tế và nhu cầu vốn tiêu dùng của xã hội.

Ngân hàng thương mại thực hiện vai trò trung gian giữa các khách hàng với nhau, giữa Ngân hàng Trung ương với người dân. Nghĩa là ngân

hàng thương mại làm trung gian giữa người có nhu cầu vay tiền với người sẵn sàng cho vay, giữa người mua và người bán ngoại tệ. Ngân hàng Trung ương không giao dịch trực tiếp với các cá nhân, tổ chức trong xã hội mà thực hiện gián tiếp thông qua các ngân hàng thương mại

- **Chức năng sản xuất** : Ngân hàng thương mại sử dụng các yếu tố vốn, đất đai và lao động để tạo ra sản phẩm và dịch vụ. Ngân hàng thương mại sử dụng nguồn vốn huy động được từ xã hội để thực hiện cho vay, tái đầu tư vào nền kinh tế, sử dụng đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên

### **3/ VAI TRÒ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI :**

#### **\* Vai trò tập trung vốn của nền kinh tế :**

- Ngân hàng thương mại với vai trò trung gian của mình, nhận tiền từ người muốn cho vay, trả lãi cho họ và đem số tiền ấy cho người muốn vay.

- Ngân hàng thương mại huy động và tập trung các nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Với số vốn này ngân hàng sẽ đáp ứng được nhu cầu vốn của nền kinh tế để sản xuất kinh doanh, qua đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Và với số lời thu được từ chênh lệch lãi suất có được nó sẽ duy trì hoạt động của mình.

#### **\* Trung gian thanh toán và quản lý các phương tiện thanh toán :**

- Ngân hàng tiến hành nhập tiền vào tài khoản hay chi trả tiền theo lệnh của chủ tài khoản. Khi các khách hàng gửi tiền vào ngân hàng, họ sẽ được đảm bảo an toàn trong việc cất giữ tiền và thực hiện thu chi một cách nhanh chóng tiện lợi

- Khi làm trung gian thanh toán, ngân hàng tạo ra những công cụ lưu thông (sec, giấy chuyển ngân, [thẻ thanh toán](#)...) tiết kiệm cho xã hội rất nhiều về chi phí lưu thông, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, thúc đẩy quá trình lưu thông hàng hóa.

- Vai trò trung gian này trở nên phong phú hơn với việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu,... ngân hàng thương mại có thể làm trung gian giữa công

ty và các nhà đầu tư, chuyển giao mệnh lệnh trên thị trường chứng khoán, đảm nhận việc mua trái phiếu công ty...

**\* Tạo ra tiền ngân hàng trong hệ thống ngân hàng hai cấp :**

- Vào cuối thế kỉ 19 hệ thống ngân hàng hai cấp được hình thành, các ngân hàng không còn hoạt động riêng lẻ nữa mà tạo thành hệ thống, trong đó Ngân hàng Trung ương là cơ quan quản lý về tiền tệ, tín dụng, là ngân hàng của các ngân hàng. Các ngân hàng thương mại còn lại kinh doanh tiền tệ, nhờ hoạt động trong hệ thống các ngân hàng thương mại đã tạo ra bút tệ

- Quá trình tạo ra tiền của ngân hàng thương mại được thực hiện thông qua tín dụng và thanh toán trong hệ thống ngân hàng, trong mối liên hệ chặt chẽ với Ngân hàng Trung ương

**4/ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI:**

**4.1 Hoạt động huy động vốn :**

Vốn huy động là nguồn vốn chủ yếu của các ngân hàng thương mại, thực chất là tài sản bằng tiền của các sở hữu chủ mà ngân hàng tạm quản lý, với nghĩa vụ hoàn trả kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của khách hàng. Không có nghiệp vụ huy động vốn, ngân hàng thương mại sẽ không có đủ vốn tài trợ cho hoạt động của mình. Đây chính là hoạt động góp phần giải quyết đầu vào cho ngân hàng

Về phía khách hàng, nghiệp vụ huy động vốn cung cấp cho họ một kênh tiết kiệm và đầu tư sinh lợi, cung cấp một nơi an toàn để cất trữ và tích lũy vốn nhàn rỗi

Ngân hàng thực hiện huy động vốn thông qua những nguồn chủ yếu sau :

- Tiền gửi có kì hạn, không kì hạn và các loại tiền gửi khác của các tổ chức, cá nhân trong xã hội
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước
- Tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác đang hoạt động ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài

- Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

#### **4.2 Hoạt động tín dụng :**

Nghiệp vụ huy động và cấp tín dụng là các nghiệp vụ sử dụng vốn quan trọng nhất, quyết định nhất đến sự tồn tại và phát triển của các ngân hàng. Hoạt động tín dụng tạo ra bộ phận tài sản có sinh lời lớn nhất trong các ngân hàng thương mại, tức là tạo ra nguồn thu nhập để trang trải chi phí hoạt động, đồng thời tạo ra được lợi nhuận để vừa làm nghĩa vụ đóng góp cho Ngân sách, vừa tích lũy để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh

Điều 4 Nghị định 47/2000/NĐ-CP qui định : “Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”. Trong các hoạt động này, hoạt động cho vay là hoạt động quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các hoạt động ngân hàng

Có thể nói, đây là hoạt động tạo ra lợi nhuận cao nhưng đồng thời cũng mang rất nhiều rủi ro. Bộ phận tài sản có lớn nhất của ngân hàng thương mại là dư nợ cho vay lại nằm trong tay khách hàng. Do đó, độ rủi ro tín dụng phát sinh ngay sau khi cho vay cho đến khi khách hàng trả nợ. Điều này đòi hỏi các ngân hàng phải luôn thận trọng trong hoạt động cấp tín dụng

#### **4.3 Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ :**

Ngân hàng thực hiện thanh toán qua lại giữa các doanh nghiệp thông qua tài khoản mở tại ngân hàng, giữa ngân hàng với ngân hàng thông qua tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ của ngân hàng thương mại bao gồm những hoạt động sau :

- Cung cấp các phương tiện thanh toán
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước (thanh toán bằng séc, ủy nhiệm chi, thẻ tín dụng, tín dụng thư ...)
- Thực hiện thanh toán nội bộ, thanh toán liên ngân hàng

- Thực hiện thu hộ, chi hộ cho khách hàng (chuyển tiền, thu hộ séc, dịch vụ cung cấp thẻ tín dụng, thẻ thanh toán)
  - Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng
  - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo qui định
- Việc thực hiện thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép

#### 4.4 Các hoạt động khác :

Ngân hàng thương mại còn có thể thực hiện thêm một số hoạt động khác ngoài những hoạt động trên như :

- Dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức khác. Mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại trong một doanh nghiệp, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại trong tất cả các doanh nghiệp không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện mua bán các công cụ của thị trường tiền tệ
- Ngân hàng thương mại được phép trực tiếp kinh doanh hay thành lập công ty trực thuộc để kinh doanh vàng, ngoại hối nếu được Ngân hàng Nhà nước cho phép
- Ngân hàng có thể được ủy thác, nhận ủy thác làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan hoạt động ngân hàng
- Ngân hàng thương mại được cung ứng dịch vụ bảo hiểm; được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- Cung ứng các các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ
- Thực hiện dịch vụ bảo quản giấy tờ, vật quý

Điều 20 Nghị định 49/2000/NĐ-CP qui định : Ngân hàng thương mại không được trực tiếp kinh doanh bất động sản.

## **Phần 2 :**

# **THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA**



## 1. NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC :

### 1.1 Quy mô ngày càng mở rộng:

Trong thời gian vừa qua, nhất là trong giai đoạn từ 2006 đến 2008, đã có ngày càng nhiều các công ty có vốn lớn tham gia vào việc kinh doanh ngân hàng. Có thể kể đến một số “đại gia” tiêu biểu như : Dầu khí, Điện lực, Cao su... Việc này dù ít dù nhiều cũng có mặt tích cực của nó trong hoàn cảnh nền kinh tế nước ta đang có nhu cầu tập trung vốn cao độ cho nhiều dự án ở những quy mô khác nhau.

Việc thành lập thêm ngân hàng làm tăng tính cạnh tranh giúp cho nền kinh tế năng động hơn. Các dịch vụ ngân hàng cung cấp sẽ thuận tiện và đa dạng hơn cho khách hàng. Một minh chứng cụ thể là sự tham gia của nhiều ngân hàng thương mại cổ phần vào thị trường tài chính tiền tệ đã làm cho nhiều ngân hàng thương mại quốc doanh trở nên năng động hơn, hoạt động cạnh tranh lành mạnh hơn, mang lại sự thuận tiện và hiệu quả cao cho khách hàng. Điều này khác hẳn tình hình quan liêu, bao cấp cách đây 5, 6 năm. Hiệu quả nhãn tiền là không còn cảnh xếp hàng chờ đợi hoặc phải chạy chọt mới vay được vốn.

Đồng thời với số lượng ngân hàng ngày càng đông đảo, tiến trình thanh toán và giao dịch không dùng tiền mặt được đẩy nhanh hơn, góp phần thúc đẩy tính minh bạch trong lĩnh vực tài chính, qua đó đóng góp tích cực, hiệu quả vào công cuộc chống tham nhũng ở nước ta.

Không chịu để những kẻ đến sau lấn lướt thị trường, các ngân hàng thương mại cổ phần cũng đua nhau tăng vốn. Năm 2007, Sacombank đã gây sốc bằng kế hoạch tăng vốn từ 2.089 tỷ đồng lên 4.450 tỷ đồng, thay vì dự

định ban đầu là 3.540 tỷ đồng. Và đến ngày 29/08/2008, con số này đã là 5.116 tỷ đồng. Anh hai ACB cũng không chịu kém, huy động từ các nguồn khác nhau để có thêm 1.500 tỷ đồng nhằm nâng vốn điều lệ lên 2.630 tỷ đồng năm 2007, 2.630 tỷ đồng lên 5.805 tỷ đồng năm 2008 từ 3 nguồn là 1.471 tỷ đồng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và 1.704 tỷ đồng từ thặng dư vốn...

Nhiều ngân hàng thuộc lớp đàn em cũng đang cố chen chân gia nhập câu lạc bộ 2.000 tỷ, 1.000 tỷ đồng. Ngân hàng Quốc Tế (VIB Bank) liên tục tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng năm 2005 đến hiện nay là 3000 tỷ. Ngân hàng Đông Nam Á (SeaBank) cũng tuyên bố tăng vốn từ 3000 tỷ đồng lên 4068 tỷ đồng kể từ ngày 31/12/2008. Nên nhớ lại con số này chỉ là 1000 tỷ năm 2007 để nhận thấy mức độ gia tăng nhanh chóng thế nào

Trong lúc này, hàng loạt ngân hàng cổ phần nông thôn (bị giới hạn hoạt động) cũng vội vã đệ đơn xin chuyển đổi mô hình thành ngân hàng đô thị nhằm mở rộng phạm vi, địa bàn hoạt động và tăng thị phần.

<b>Top 10 ngân hàng lớn nhất Việt Nam</b>	
Ngân hàng	
1.	<b>Ngân hàng Nông nghiệp &amp; Phát Triển Nông Thôn Việt Nam</b>
2.	<b>Ngân Hàng Công Thương Việt Nam</b>
3.	<b>Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam</b>
4.	<b>Ngân Hàng Đầu Tư &amp; Phát Triển Việt Nam</b>
5.	<b>Ngân Hàng Thương Mại CP Quốc Tế Việt Nam</b>
6.	<b>Ngân Hàng TMCP Á Châu</b>
7.	<b>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín</b>
8.	<b>Ngân Hàng Thương Mại CP Kỹ Thương Việt Nam</b>
9.	<b>Ngân Hàng TMCP Phương Nam</b>
10.	<b>Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam</b>

*Nguồn : danh sách VNR 500 – 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam*

Theo thống kê, đến trung tuần tháng 12, chỉ còn 9 ngân hàng cần phải đạt "chuẩn" vốn 1.000 tỉ đồng là Bắc Á, Đại Á, Đại Tín, Đệ Nhất, Gia Định, Kiên Long, Mỹ Xuyên, Việt Nam Thương tín và Thái Bình Dương.

Hệ thống ngân hàng đã huy động và cung cấp một lượng vốn khá lớn cho nền kinh tế, ước tính hàng năm chiếm khoảng 16-18% GDP, gần 50% vốn đầu tư toàn xã hội. Tăng trưởng tín dụng liên tục tăng trong các năm. Hệ

thống ngân hàng cũng có nhiều đóng góp cho tăng trưởng, phát triển và ổn định nền kinh tế trong những năm qua.

*"Trong bối cảnh hội nhập, nền kinh tế tăng trưởng cao và khát vốn, những người có đầu óc kinh doanh nhạy bén và có thực lực về vốn không thể không nhìn thấy ngân hàng là lĩnh vực đáng bỏ tiền đầu tư"*

*Theo Phó giám đốc Học viên Ngân hàng Tô Kim Ngọc*

## **1.2 Xây dựng hệ thống mạng lưới rộng khắp:**

Có lẽ chưa bao giờ chúng ta có thể nhìn thấy xuất hiện nhiều chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng như hiện nay. Hầu hết các ngân hàng lớn đều có mạng lưới rộng khắp (đặc biệt là các ngân hàng thương mại quốc doanh), nhất là ở các đô thị lớn. Còn các ngân hàng nhỏ hơn cũng ra sức mở rộng mạng lưới, mở rộng thị phần

Hiện tại các ngân hàng thương mại Việt Nam đã xây dựng được hệ thống phân phối rộng lớn. Hiệu biết và khả năng thâm nhập thị trường vẫn sẽ là thế mạnh vượt trội của các ngân hàng trong nước so với các ngân hàng nước ngoài.

## **1.3 Lợi nhuận bùng nổ :**

Trong các năm từ 2005 đến 2007, lợi nhuận các ngân hàng đã thực sự bùng nổ.

Chưa có thời gian nào mà các doanh nghiệp trong ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam lại gặt hái được nhiều thành công như thời gian qua. Mức lợi nhuận thu về của các ngân hàng khiến nhiều người phải kinh ngạc, vì có những ngân hàng đạt hàng ngàn tỷ đồng lợi nhuận, vượt xa so với năm trước cũng như kế hoạch đã đề ra cho cả năm.

Đơn cử như tính đến hết tháng 12/2007, lợi nhuận trước thuế của hai ngân hàng có quy mô lớn nhất trong khối cổ phần là ACB và Sacombank đã vượt mức chỉ tiêu mới nhất đề ra. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là 3100 tỷ, ngân hàng Công Thương là 1450 tỷ. Về phía các ngân hàng thương mại cổ phần, Sacombank đạt trên 1.400 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (kế hoạch là 1.400 tỷ đồng). ACB cho biết, mức lợi nhuận chạm 2.000 tỷ đồng trước ngày 31/12/2007, vượt hơn 400 tỷ đồng so với kế hoạch. Eximbank, DongA Bank, ABBANK, VietA Bank, VIB

Bank, VP Bank, Techcombank... cũng là những ngân hàng đã gặt hái được khá nhiều thành công trong năm 2007. Đến hết tháng 12/2007, VIB Bank ước đạt 450 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng gấp 2,2 lần so với năm 2006 và đạt 128,57% kế hoạch cả năm. Là một trong những ngân hàng vừa mới được chuyển đổi quy mô hoạt động nhưng mức lợi nhuận trước thuế mà ABBANK thu về trong năm 2007 tăng 280% so với năm 2006, đạt 226 tỷ đồng. Eximbank đạt khoảng 700 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế; lợi nhuận VPBank trên dưới 300 tỷ đồng. Những con số trên cho thấy, bức tranh của ngành ngân hàng Việt Nam đầy tiềm năng và siêu lợi nhuận.

Chính vì thế mà ngay cả trong giai đoạn đang sốt giá, giá cổ phiếu ngân hàng tuy đã tăng cao nhưng nhiều nhà đầu tư vẫn không ngần ngại bỏ vốn đầu tư. Mức lợi nhuận tăng cao đến nỗi một số ngân hàng đã thay đổi chỉ tiêu dự kiến để thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư. Chẳng hạn như, Sacombank đã điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận năm 2007 từ 1.200 tỷ đồng lên 1.400 tỷ đồng.

Các chuyên gia trong ngành tài chính cho rằng, một nguồn thu góp phần quan trọng vào lợi nhuận của các ngân hàng trong các năm qua là từ kinh doanh chứng khoán. Nắm bắt được cơ hội giá chứng khoán lên trong khoảng thời gian đầu năm 2007, nhiều ngân hàng đã nhanh chóng bỏ vốn đầu tư. Một phần vốn đầu tư trực tiếp vào các cổ phiếu trên cả thị trường chứng khoán tập trung và phi tập trung bên cạnh việc đầu tư thông qua công ty chứng khoán trực thuộc.

Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán đã góp phần rất lớn vào nguồn thu của ngân hàng. Đối với ACB, lợi nhuận thu về từ kinh doanh chứng khoán chỉ trong 9 tháng năm 2007 đã đóng góp hơn 300 tỷ đồng, chiếm gần một phần tư trong tổng lợi nhuận của Tập đoàn trong cùng khoảng thời gian. Với Sacombank, ngoài hoạt động của ngân hàng mẹ, nguồn lợi nhuận có sự đóng góp lớn từ các công ty con, như công ty chứng khoán SBS, Công ty liên doanh Quản lý quỹ VFM, Công ty Sacombank-Leasing...

Theo các chuyên gia, giai đoạn từ 2005 đến đầu 2007 được xem là thuận lợi cho ngành ngân hàng phát triển. Một phần là do cổ phiếu ngân hàng lên giá mạnh, tạo điều kiện cho các ngân hàng phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Từ đó, các nhà băng dễ dàng hơn trong việc mở rộng quy mô hoạt động và đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển và tăng trưởng khá mạnh, ngân hàng có thêm nhiều cơ hội phát triển các dịch vụ ăn theo. Chẳng hạn như

cho vay cầm cố chứng khoán, repo cổ phiếu... Nhiều nhà băng đã tranh thủ mở công ty chứng khoán để "bành trướng" và tiến tới xây dựng tập đoàn đa ngành nghề.

## **2. NHỮNG HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI :**

### **2.1 Bỏ nông thôn, ôm đô thị :**

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh của các ngân hàng được mở rộng đã đem lại những thuận lợi nhất định. Tuy nhiên phải nhìn nhận một sự thật là chúng ta đang “Bỏ nông thôn, ôm đô thị”

Hệ thống ngân hàng thương mại của chúng ta hầu như đang bị “đô thị hóa” hoàn toàn, và tình trạng đô thị hóa đó không phải vì lợi ích chung của toàn nền kinh tế. Chính hiện tượng này cũng là một tác nhân quan trọng góp phần làm tăng sự phân hóa giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn

Trong thời gian qua, điều đáng buồn là hệ thống ngân hàng nông thôn trên cả nước gần như tồn tại rất ít. Các ngân hàng đều tập trung hầu hết về các tỉnh thành lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương ....Số liệu không chính thức cho thấy hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả miền Đông Nam bộ chỉ còn một ngân hàng cổ phần nông thôn hoạt động cầm chừng. Trên thực tế, các ngân hàng nông thôn trước đây, tuy mang tiếng là ngân hàng nông thôn nhưng chẳng những không tập trung nỗ lực mở rộng tín dụng cho nông dân - những người thật sự khát vốn - mà dần dần có xu hướng đô thị hóa, tham gia tích cực vào các hoạt động cho vay thương mại cùng các hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu cơ bất động sản đầy rủi ro.

Tín dụng nông nghiệp và nông thôn được giao khoán cho mạng lưới Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao biện một cách mệt mỏi và không hào hứng. Bản thân ngân hàng quốc doanh này cũng không mặn mà lắm đối với việc cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn như tên gọi của mình.

### **2.2 Chạy đua thành lập ngân hàng – tăng về lượng, nhưng yếu về chất :**

Việc các doanh nghiệp ngày càng đổ xô nhiều vào lãnh vực ngân hàng ngoài việc đem lại những thuận lợi đã nêu trên, cũng đã gây ra những tác động xấu

Cánh cửa giấy phép mới khép chặt khiến cho nhiều doanh nghiệp, nhiều tập đoàn tranh thủ mua lại các ngân hàng nông thôn để chuyển hóa thành ngân hàng đô thị và cho đến khi không còn một ngân hàng nông thôn nào để mua, thì vận động xin thành lập ngân hàng mới. Dù là mua lại hay thành lập ngân hàng mới, hầu hết trong số họ đều xem đây chỉ là một “phi vụ” đầu cơ siêu lợi nhuận, có hiệu quả cao trong chớp mắt. Rất ít ai có tầm nhìn lâu dài, trong khi muốn xây dựng ngân hàng thành công phải có tầm nhìn lâu dài.

Ấn tượng mà các nhà phân tích kinh tế trong và ngoài nước nhận thấy như một sự bùng nổ số lượng các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, trước hết chỉ là một sự biến hình của các ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị dưới cây gậy thần của Ngân hàng Nhà nước, sau đó là con số đông đảo hồ sơ xin thành lập ngân hàng mới ( tiêu biểu như trong năm 2007 có đến 25 hồ sơ ngân hàng trong nước và 33 hồ sơ ngân hàng nước ngoài). Nguyên nhân thứ hai không phản ánh điều gì khác hơn là những ảo vọng hình thành từ cơn sốt tăng giá cổ phiếu ngân hàng một hai năm trước đây.

Ngày 7-6-2007, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định 24/2007/QĐ-NHNN về quy chế cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó quy định rõ một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của một ngân hàng và chỉ được tham gia góp vốn thành lập tại một ngân hàng. Mặc dù vậy, một số các tổng công ty, tập đoàn lớn vẫn xin lập ngân hàng, như tập đoàn Dầu khí, Bảo Việt, FPT, VNPT, Vinatex, Habeco... Việc doanh nghiệp xin thành lập ngân hàng riêng đã làm nhiều nhà kinh tế lo ngại. Thậm chí, nhiều người cho rằng đây là hiện tượng trái với quy luật chung ở các nước phát triển khi các ngân hàng thường hoạt động độc lập với các doanh nghiệp khác.

Nhưng ngày nay, cơn sốt ấy đã qua rồi. Mở một ngân hàng mới hiện nay là một thách thức, không còn là cơ hội nữa. Không chỉ thách thức đến từ nguồn nhân lực, năng lực quản lý, nhất là quản lý rủi ro, đầu tư công nghệ, mà còn đến từ môi trường cạnh tranh ngân hàng khốc liệt, chính sách kinh tế vĩ mô kiểm chế lạm phát... Tất cả những điều này đã khiến cho những cái đầu nóng bỏng trước đây say sưa với việc “thai nghén” ngân hàng, giờ đã trở nên nguội lạnh.

Khủng hoảng tài chính ở các nước Đông Nam Á 1997-1998 cho chúng ta 1 ví dụ điển hình. Lúc đó, hàng loạt ngân hàng được thành lập bởi

các công ty lớn và mặc dù ngân hàng là một đơn vị kinh doanh độc lập, việc vận hành ngân hàng, đặc biệt là cấp tín dụng và quản trị rủi ro, được thực hiện bởi các “ông lớn” làm cho khủng hoảng tồi tệ hơn cả về kinh tế và chính trị. Các khoản tín dụng chủ yếu là dựa trên mối quan hệ xã hội và kinh tế với các “ông lớn” chứ không dựa vào tính khả thi và khả năng hoàn trả. Những người gửi tiền, đặc biệt là những người gửi tiền nhỏ lẻ, chịu thiệt hại nặng nề nhất khi ngân hàng sụp đổ.

Hiện nay, lợi nhuận của các ngân hàng không còn cao như trước, tình hình thị trường cũng đã biến đổi khó khăn hơn nhiều, những lo ngại đã xuất hiện thường trực hơn. Rõ ràng đã có sự thay đổi tất yếu.

Vì sao lại có sự sụt giảm giá trị cũng như những lo ngại như vậy, ngoài yếu tố xu hướng chung của thị trường, có thể kể đến một số yếu tố sau:

- Thứ nhất, ngân hàng là một lĩnh vực kinh doanh đặc biệt, đóng vai trò là trung gian tài chính đi vay để cho vay góp phần vào quá trình luân chuyển nguồn vốn. Chính vì tính chất đặc thù này mà sự tồn tại hay phát triển của bất kỳ một ngân hàng nào cũng ảnh hưởng tới sự phát triển hay khủng hoảng của nền kinh tế, trong phạm vi và mức độ phụ thuộc vào nguồn tiền mà nó đóng góp vào nền kinh tế. Các ngân hàng Việt Nam tuy đông về số lượng, nhưng hiệu quả kinh doanh có từ sự gia tăng ấy chưa được phản ánh rõ nét; kết quả lợi nhuận cũng khiến không ít người đặt dấu hỏi khi tăng quá nhanh trong một giai đoạn ngắn, nhất là trong tình trạng thiếu minh bạch thông tin như hiện nay. Nguy cơ nợ xấu tiềm ẩn nhiều rủi ro đi cùng với tình trạng đảo nợ liên tục ở nhiều nơi báo động những rủi ro đổ vỡ dây chuyền

- Thứ hai là sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh. Các doanh nghiệp kinh doanh các lĩnh vực khác nhau và bây giờ nhảy ra kinh doanh ngân hàng, là một ngành nghề kinh doanh đặc biệt đòi hỏi tính chuyên môn hóa cao. Kinh nghiệm trên thế giới và thực tế ở Việt Nam đã chứng minh việc mở rộng kinh doanh sang những lĩnh vực khác không phải là thế mạnh của mình không phải lúc nào cũng đưa doanh nghiệp đến thành công, mà có khi còn là sụp đổ

- Thứ ba, các nhà lập chính sách cũng cần có câu trả lời cho nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự của các ngân hàng mới. Một ngân hàng mở ra, với mức vốn và tổng dư nợ được huy động theo quy định thì cần một số lượng nhân viên ngân hàng tính bằng ngàn người. Bất cứ 1 doanh nghiệp nào chứ không riêng gì ngân hàng, muốn phát triển thì cần phải có đội ngũ nhân lực vững mạnh. Thế nhưng, thị trường nguồn nhân lực hiện nay đã và đang rất thiếu trầm trọng các chuyên viên ngân hàng và tài chính có trình độ.

Việc đào tạo một lứa nhân viên có thể làm được việc cần không ít thời gian. Do vậy, bài toán về nguồn nhân lực là cực kì hóc búa

- Thứ tư, việc quản lý hoạt động tín dụng hiện nay chưa được chặt chẽ và còn chứa đựng nhiều rủi ro. Một khi, khách hàng là người nhà tất nhiên sẽ được đối xử thiên vị hơn so với các khách hàng bình thường. Hơn nữa, thói quen làm việc của người Á Đông dễ dẫn đến tình trạng ngân hàng tôi cho công ty ông vay, đến lượt ngân hàng ông cho công ty tôi vay thì lại càng khó kiểm soát. Ngoài ra, tình trạng cho vay theo mức chi hoa hồng cao hay thấp, bất chấp rủi ro thế nào vẫn tồn tại nhan nhản ở một số ngân hàng. Mặc dù theo luật định, các ngân hàng sẽ phải chịu sự điều chỉnh của rất nhiều quy định chặt chẽ như hệ thống kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro tín dụng, các quy định của Ngân hàng Nhà nước... Tuy nhiên, việc giám sát trong thực tế hầu như không thật sự có hiệu quả

Cuộc khủng hoảng ngân hàng dẫn đến sự sụp đổ của hàng loạt ngân hàng ở Venezuela năm 1994 là một bài học điển hình. Và mới đây lại là cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay tín chấp bùng nổ ở Mỹ, kéo theo một cơn đại suy thoái kinh tế toàn cầu là những hồi chuông báo động cho Việt Nam chúng ta

### **2.3 Áo vụng và sự thất bại từ cơn sốt cổ phiếu :**

Thời gian vừa qua, Việt Nam đã trải qua những cơn sốt cổ phiếu có tác động mạnh mẽ đến xã hội, đến các lãnh vực, ngành nghề, trong đó có ngân hàng

Trong vòng vài năm trở lại đây, các ông chủ của những ngân hàng cổ phần nông thôn, thay vì chăm chút vào các hoạt động cho vay nhỏ lẻ, ăn chắc mặc bền cho sản xuất, tiêu thụ nông phẩm và cải thiện đời sống nông dân, lại bị mê hoặc bởi giá cổ phiếu ngân hàng tăng vọt một cách khó thể tưởng tượng trên thị trường chứng khoán chính thức và không chính thức, đã bắt tay với nhiều “đại gia”, sử dụng chiêu thức tăng vốn để được “hóa thân” thành những ngân hàng đô thị, những mong trong phút chốc trút bỏ chiếc áo vải thôn dã để khoác vào mình chiếc áo gấm, chen chân vào hàng ngũ giới quý tộc ngân hàng đô thị.

Hầu hết các ngân hàng thương mại đều đua nhau thành lập công ty chứng khoán để môi giới, tự doanh, tư vấn... Ngay cả những kẻ ngoại đạo như Tổng công ty Cao su, Tổng công ty xăng dầu, FPT... cũng lao vào lãnh vực này. Và quả thật, trong một vài năm, cổ phiếu đã có những lúc đem lại



những món lợi kékch sù mà nhiều người có khi nằm mơ suốt cả đời cũng chẳng mơ nổi. Hàng loạt đại gia chứng khoán đầu tư vào lãnh vực ngân hàng nghiêm nhiên bước chân vào danh sách “Những người giàu nhất Việt Nam”. Cả nước như sốt lên vì cổ phiếu !

Nhưng ngày nay, nhất là trong năm 2008 vừa qua, cơn sốt ấy đã nguội lạnh hoàn toàn. Giá cổ phiếu ngân hàng - cũng như các cổ phiếu doanh nghiệp khác - đã chám dứt trạng thái bong bóng hư ảo để trở về với thực tại lạnh lùng. Mặc cho những lời kêu gọi, những giải pháp được đưa ra bàn thảo, chứng khoán dần vẫn tuột dốc không phanh. Và hậu quả của nó để lại thật rất nặng nề !

Các công ty chứng khoán đều báo lỗ hay lãi rất ít về các ngân hàng mẹ. Hàng loạt ngân hàng bị chôn tiền vào chứng khoán mà không thu hồi về được. Số tiền khổng lồ được các ngân hàng mẹ rót vốn xuống các công ty chứng khoán giờ đây thực sự chết. Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ 2006 – 2008, hệ thống ngân hàng đã cho vay để đầu tư chứng khoán ước tính lên đến khoảng hơn 20.000 tỷ VNĐ. Tác hại của việc đầu tư ồ ạt theo trào lưu là khi cổ phiếu rơi về lại đúng giá trị thực của nó và sau đó là rút ào ào theo xu hướng suy thoái kinh tế toàn cầu thì các ngân hàng lao đao thực sự. Tình trạng thiếu vốn, khát vốn diễn ra đã khiến các ngân hàng lao vào cuộc chạy đua tăng lãi suất. Tuy nhiên, giải pháp này chỉ mang tính tạm thời, không có hiệu quả thật sự vì nguồn vốn thu hút trong dân chỉ có vậy, không tăng lên mà chỉ chạy từ ngân hàng này sang ngân hàng khác mà thôi. Trong khi các doanh nghiệp lại cực kì khó khăn, không vay vốn được hoặc không đủ khả năng chi trả lãi vay quá cao. Tình trạng đảo nợ liên tiếp xảy ra ở nhiều nơi càng làm nợ chồng thêm nợ

Theo đánh giá nhận xét của nhiều chuyên gia tài chính, các ngân hàng thương mại Việt Nam đã thất bại vì chết vốn rất nhiều trong cơn sốt cổ phiếu

#### **2.4 Sự tăng trưởng bùng phát, không thực chất và bền vững :**

Đằng sau những con số lợi nhuận là sự tăng trưởng bùng phát, không bền vững

Mặc dù đã đạt được những con số lợi nhuận đáng khích lệ, nhưng khó khăn mà các ngân hàng gặp phải trong thời gian qua cũng không phải là ít. Ví dụ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đã liên tục được tăng cao cho đến nửa cuối 2008, hạn chế dòng vốn đầu ra của các nhà băng và làm gia tăng chi phí đầu vào.... Các ngân hàng không thể giảm lãi suất khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng và mức

lãi suất cơ bản liên tục được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh nâng lên trong giai đoạn lạm phát. Ngược lại, ngân hàng còn phải chạy đua gia tăng lãi suất huy động tiền gửi để thu hút nguồn vốn nhân rồi trong dân.

Thêm vào đó, dịch vụ cho vay cầm cố vừa ra đời và được xem là mảng tín dụng tiềm năng đem lại lợi nhuận cao cho ngân hàng đã bị Ngân hàng Nhà nước siết chặt bằng Chỉ thị 03/2007/CT-NHNN. Nhiều ngân hàng đã gặp khó khăn khi Chỉ thị 03 ra đời vì dư nợ cho vay cầm cố đã vượt quá mức quy định là 3% trên tổng dư nợ. Để thu hồi nợ vay, các ngân hàng đã phải cắt giảm lãi suất cho vay để nâng tổng dư nợ, tạo điều kiện điều chỉnh tỷ lệ dư nợ cho vay cầm cố về ngưỡng cho phép.

Một số ngân hàng đã "thất thu" trong mùa "bội thu" của năm 2007. Thông thường, doanh thu của các nhà băng tăng cao dịp cuối năm, vì nhu cầu vốn của khách hàng tăng cao, kéo theo lãi suất đầu ra đi lên. Nhưng thực tế, trong năm 2007 vốn khả dụng của ngân hàng luôn trong tình trạng dư thừa, do các doanh nghiệp không còn khả năng chi trả với mức lãi vay quá cao. So với những năm trước, hoạt động cho vay của ngân hàng đang thu hẹp dần.

Riêng với mảng dịch vụ, tuy các ngân hàng trong nước đã nỗ lực phát triển các dịch vụ tài chính cá nhân trong thời gian gần đây nhưng đó mới chỉ là sự khởi đầu và mức lợi nhuận thu về từ dịch vụ chỉ chiếm một phần rất khiêm tốn trong tổng lợi nhuận đạt được. Đơn cử, ACB là một trong những nhà băng đã nỗ lực đẩy mạnh phát triển dịch vụ trong hơn hai năm qua, nhưng lợi nhuận thu về chỉ chiếm trên 20% trong tổng lợi nhuận của năm 2007.

Một số chuyên gia lâu năm đã đặt câu hỏi : Mức lợi nhuận có phản ánh đúng năng lực hoạt động dài hạn, khả năng tăng trưởng bền vững, khả năng gia tăng giá trị cổ phiếu và yếu tố rủi ro của ngân hàng không?

Môi trường không thuận lợi. Thị trường chứng khoán sụt giảm kéo dài. Việc mở rộng tín dụng đối với nền kinh tế khó khăn do điều kiện vay vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa được cải thiện rõ rệt. Các doanh nghiệp lớn ngày càng giảm sử dụng vốn vay ngân hàng. Cho vay lĩnh vực bất động sản vẫn hạn chế vì thị trường tiếp tục trầm lắng... Bên cạnh đó, để ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng và kiểm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước buộc các tổ chức tín dụng phải giảm tỉ lệ đầu tư, cho vay kinh doanh chứng khoán về dưới mức 3% /tổng dư nợ và tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc lên gấp đôi khiến chi phí vốn của các ngân hàng tăng lên.

Có thể kể ra một ví dụ điển hình như từ tháng 6/2007 nhiều ngân hàng đã dự đoán kết quả thu nhập của năm sẽ giảm sút. Trái lại, mức lợi nhuận 9 tháng được một số ngân hàng cổ phần công bố tăng một cách ngỡ ngàng. Phó Tổng Giám Đốc một ngân hàng thương mại cổ phần trong top 5 ở TPHCM nói: "Không hiểu một số NH làm gì mà lãi lớn thế? Chúng tôi xoay sở cật lực, tỉ lệ sử dụng vốn để cho vay đến hơn 80% vốn huy động mà lợi nhuận cũng chưa bằng nửa họ. Cổ đông cứ chất vấn sao quy mô vốn không thua mấy mà lợi nhuận thì thấp thế?". Ngay cả một vị lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng Nhà nước cũng phải quan tâm tìm hiểu xem thực chất một số ngân hàng có lãi cao như công bố không

Một số vị lãnh đạo của ngân hàng thương mại cổ phần giải thích lợi nhuận cao là do trong các năm 2005, 2006, 2007, 2008 các ngân hàng phát triển nhanh về quy mô hoạt động và mạng lưới, mở rộng tín dụng, đa dạng hoá các sản phẩm tăng thu dịch vụ...

Những lý do này tính thuyết phục chưa cao lắm vì:

- Thứ nhất, từ năm 2006 đến nay, đa số các ngân hàng thương mại cổ phần tập trung vào mở rộng mạng lưới. Chi phí để mở chi nhánh là rất lớn và hầu hết các chi nhánh mới mở năm đầu lỗ hoặc hoà vốn, sau 2 năm hoạt động mới bắt đầu có lãi. Theo một vài nguồn tin thì nhiều chi nhánh (kể cả mở đã lâu) của các ngân hàng thương mại thành phố Hồ Chí Minh mở tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ không có lãi
- Thứ hai, thời gian qua, hệ thống ngân hàng nói chung và ngân hàng cổ phần nói riêng đều không phát triển mạnh được dịch vụ. Nhìn vào kết quả thu nhập 8 tháng đầu năm 2008 thì hầu hết tỉ trọng thu dịch vụ đều giảm, giảm nhất là thu kinh doanh ngoại hối
- Thứ ba, theo một lãnh đạo ngân hàng lớn cho biết thì trong bối cảnh dư thừa vốn khả dụng ngắn hạn, nhiều ngân hàng phải hạ lãi suất cho vay để giải ngân. Trong khi vốn huy động vẫn phải trả lãi cao thì càng đẩy mạnh tín dụng càng có nguy cơ lỗ.

Những chỉ tiêu công bố vừa qua của các ngân hàng chỉ bao gồm: Tổng tài sản, vốn điều lệ, vốn huy động, dư nợ, lợi nhuận trước thuế. Nhìn vào đây, các nhà đầu tư thấy chỉ tiêu nào cũng tăng trưởng rất cao, ROA, ROE rất "đẹp". Không ai biết được tỉ trọng lãi từ từng loại hoạt động thế nào

Một cơ cấu thu nhập đảm bảo sự phát triển bền vững của ngân hàng là thu nhập từ các hoạt động cốt lõi phải chiếm tỉ trọng lớn. Tuy nhiên, có vẻ như lãi của một số ngân hàng chủ yếu lại liên quan đến kinh doanh chứng

khoán. Báo cáo tài chính do các ngân hàng này công bố là báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng mẹ và các công ty con. Lãi của các công ty chứng khoán có khi chiếm đến một phần ba, thậm chí một nửa tổng lãi của một số ngân hàng. Bên cạnh đó, dư nợ cho vay, đầu tư để kinh doanh chứng khoán (những đối tượng được đề cập đến trong Chỉ thị 03) cũng được tính vào hoạt động tín dụng chung. Như vậy, ngay trong thu nhập từ hoạt động tín dụng của các ngân hàng cũng có một phần liên quan đến chứng khoán

Cũng liên quan đến mức lãi công bố quá cao, một số chuyên gia am hiểu về kế toán còn nghi ngờ về nguyên tắc ghi nhận và phương pháp hạch toán lãi/lỗ. Ngân hàng nào bây giờ cũng có các phần mềm tự động để lập các báo cáo tài chính. Vì thực hiện theo quy định hạch toán dự thu, dự chi nên những khoản nợ có dấu hiệu rủi ro đáng lẽ ra phải chuyển sang các nhóm nợ phải trích lập dự phòng (làm tăng chi phí) thì máy tự động xếp vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn và tự động tính lãi dự thu, đúng ra lúc đó phải chuyển sang tính lãi thực thu.

Nếu ngân hàng không tự giác thực hiện kỷ luật kế toán thì không thiếu gì cách để tạo ra lãi. Doanh nghiệp thì phải T-H-T' (tiền-hàng-tiền) nhưng ngân hàng thì có thể T-T' (tiền-tiền), dùng bút "vẽ" nên tiền .

Bên cạnh đó, tuy các ngân hàng đều có kiểm toán, nhưng vẫn có những dấu hiệu bất thường khi một số công ty kiểm toán tư nhân đang làm ăn kiểu “bán dấu – ăn hoa hồng”. Một số trường hợp cụ thể khi được các cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra tái thẩm tra lại thì lại cho kết quả khác đi

So sánh sơ bộ với các nước trong khu vực và trên thế giới cho thấy quy mô của các ngân hàng Việt Nam hiện còn nhỏ, tỷ lệ giữa dư nợ cho vay và GDP là 75%, tức là bằng một nửa so với bình quân của toàn thế giới và thấp hơn so với bình quân của các nước Asean năm 2005 (81%). Suất sinh lời trên tài sản (ROA) bình quân 1% là chấp nhận được nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân chung của thế giới.

Trong khi tỷ lệ cho vay so với vốn huy động của các ngân hàng được lựa chọn còn thấp mà mức chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào đã quá cao như vậy. Nếu tỷ lệ này được nâng lên khoảng 70% so với mức bình quân chung (của thế giới) thì có thể mức chênh lệch lãi suất còn cao hơn nhiều. Với mức độ chênh lệch lãi suất cao như vậy, chỉ có nợ xấu nhiều mới có thể làm giảm thu nhập của các ngân hàng. Nói một cách khác, nếu hai ngân hàng có một tỷ lệ cho vay tương đương nhau, ngân hàng nào có mức chênh

lệch lãi suất quá thấp so với ngân hàng còn lại thì nhiều khả năng là nợ của ngân hàng đó đang có vấn đề.

Tỷ lệ thu nhập phi lãi so với thu nhập từ hoạt động (là thu nhập ròng từ lãi cộng thu nhập ròng từ dịch vụ và chưa kể các chi phí chung) của các ngân hàng Việt Nam còn ở mức rất khiêm tốn so với tỷ lệ xấp xỉ 50% của các nước phát triển, gần 40% của các nước Đông Âu, và trên 30% của các nước trong khu vực.

Theo ước tính sơ bộ dựa vào kỳ vọng của các nhà đầu tư hiện nay, giá trị hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay là khoảng 24 tỉ đô la. Với mức sinh lợi kỳ vọng khoảng 10% (sau khi đã trừ tốc độ tăng trưởng giả định duy trì ở mức 7% trong ba thập kỷ tới theo mô hình chiết khấu cổ tức của Gordon), vào mỗi năm 2006, 2007 tổng lợi nhuận của ngành ngân hàng Việt Nam phải đạt khoảng 2,4 tỉ đô la (38.000 tỉ đồng), bằng 3,8% GDP. Điều này liệu có thực tế? Theo số liệu thống kê của một số nước, tổng lợi nhuận của các ngân hàng thương mại chỉ chiếm khoảng 1% GDP. Giả sử các ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ mở rộng hoạt động ra một số lĩnh vực khác và có tỷ lệ lợi nhuận thu được ở mức tiềm năng là 2% GDP (tức là gấp hơn hai lần bình quân chung) thì tổng lợi nhuận ở mức tiềm năng chỉ khoảng 20.000 tỉ đồng. Với cùng suất chiết khấu nêu trên, tổng giá trị của toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ chỉ vào khoảng 12,5 tỉ đô la, nhỏ hơn con số 24 tỉ nêu trên rất nhiều

## **2.5 Rủi ro từ nội lực kinh doanh :**

Thách thức lớn nhất đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nằm ở nội lực của chính các ngân hàng, với quy mô vốn nhỏ, nguồn nhân lực hạn chế, trình độ công nghệ còn chậm tiến so với các nước trong khu vực.

Mặc dù vốn điều lệ của các ngân hàng đã tăng mạnh so với trước đây nhưng còn nhỏ bé so với thế giới và khu vực. Mức vốn tự có trung bình của một ngân hàng thương mại Nhà nước là 4.200 tỷ đồng, tổng mức vốn tự có của 5 ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu chỉ tương đương với một ngân hàng cỡ trung bình trong khu vực. Trong khi đó, hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh chiếm đến trên 75% thị trường huy động vốn đầu vào và trên 73% thị trường tín dụng.

Vốn của một số ngân hàng vẫn còn thấp so với yêu cầu hội nhập: tổng vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại quốc doanh hiện nay mới đạt

khoảng trên 21.000 tỷ đồng, dư nợ tín dụng mới xấp xỉ 55% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trên 80% của các nước trong khu vực. Bình quân, mức vốn tự có của các ngân hàng thương mại quốc doanh khoảng từ 200 đến 250 triệu USD, chỉ bằng một ngân hàng cỡ trung bình trong khu vực, Vốn thấp đã dẫn đến khả năng chống đỡ rủi ro của các ngân hàng VN còn kém, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu chỉ đạt trung bình 5,4% (so với chuẩn mực quốc tế là lớn hơn hoặc bằng 8%)

Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung và của các ngân hàng thương mại nói riêng còn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, hệ thống thông tin quản lý và quản lý rủi ro chưa thực sự hiệu quả. Hầu hết các ngân hàng thương mại Việt Nam đều có mức dư nợ không sinh lời lớn hơn giới hạn cho phép từ 1,5 đến 2,5 lần, khả năng thanh toán bình quân chỉ mới đạt xấp xỉ 60%, tỷ lệ sinh lời bình quân trên vốn tự có (ROE) hiện chỉ là 6% so với 15% của các ngân hàng thương mại các nước trong khu vực.

Hệ thống dịch vụ ngân hàng trong nước còn đơn điệu, chất lượng chưa cao, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng về dịch vụ ngân hàng truyền thống. Các ngân hàng huy động vốn chủ yếu dưới dạng tiền gửi chiếm 94% tổng nguồn vốn huy động và cấp tín dụng là hoạt động chủ yếu của ngân hàng, chiếm trên 80% tổng thu nhập. Sản phẩm dịch vụ còn quá ít và đơn điệu, tính tiện ích chưa cao, hoạt động ngân hàng chủ yếu dựa vào “độc canh” tín dụng

*Trong tham luận gửi về hội thảo, TS. Lê Quốc Lý, Vụ trưởng Vụ Tài chính tiền tệ, Bộ Kế hoạch Đầu tư, có viết: “Do không thể đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ngân hàng đã khiến các ngân hàng thương mại Việt Nam chủ yếu dựa vào công cụ lãi suất để cạnh tranh thu hút khách hàng. Tuy nhiên, công cụ này cũng chỉ có tác dụng ở mức giới hạn nhất định”.*

## **2.6 Nợ xấu và sự an toàn vốn :**

Hệ số an toàn vốn bình quân của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo ước tính của nhiều chuyên gia quốc tế hàng đầu là thấp (dưới 5%), chưa đạt tỷ lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ quốc tế (8%). Chất lượng và hiệu quả sử dụng tài sản Có thấp (dưới 1%), lại phải đối phó với rủi ro lệch kép là rủi ro kỳ hạn và rủi ro tỷ giá.

*Theo PGS.TS Lê Hoàng Nga, Học viện Ngân hàng, nếu trích lập đầy đủ những khoản nợ khoanh và nợ khó đòi thì vốn tự có của nhiều ngân hàng thương mại Việt Nam, nhất là ngân hàng thương mại Nhà nước, ở tình trạng âm.*

Nợ xấu luôn là con số bí ẩn tại các ngân hàng thương mại nhà nước. Báo cáo chính thức thì dưới 5%, trong khi cách đây một vài năm, IMF hay WB ước tính vào khoảng 15-20%. Còn nếu chỉ dùng con số công bố chính thức với tỷ lệ trên 10% của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và dưới 5% của ba ngân hàng còn lại thì khối lượng nợ xấu đang nằm trong bảng cân đối kế toán của các ngân hàng thương mại nhà nước cũng trên 20.000 tỉ đồng.

Thêm vào đó, trong mấy năm qua, các ngân hàng thương mại Nhà nước đã rất tích cực xử lý nợ bằng quỹ dự phòng rủi ro. Do vậy, có thể một khối lượng nợ đã được chuyển từ nợ nội bảng ra ngoại bảng (đưa ra ngoài bảng cân đối kế toán chính thức). Cộng hai con số nêu trên thì tổng số nợ xấu ít nhất mà các ngân hàng thương mại nhà nước cần phải xử lý triệt để dao động từ 2-3 tỉ đô la, xấp xỉ 10% tổng dư nợ của các ngân hàng này và khoảng 5% GDP.

Về nguyên tắc, “đào nợ” là việc làm bị cấm, nhưng trong thực tế, do sự bất cân xứng thông tin cộng với tâm lý sợ cái xấu ảnh hưởng đến thành tích chung, nên bằng cách này hay cách khác nhiều khoản nợ, trước khi được xếp vào loại nợ xấu, có thể đã được quay vài ba vòng; hoặc khi các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, về nguyên tắc ngân hàng không được tiếp tục cho vay, nhưng nếu không cho vay tiếp thì không thể thu hồi được nợ cũ, đã phóng lao đành phải theo lao. Kết quả là hầu hết những khoản nợ xấu có thể đều có “điều này điều nọ”, cộng với khả năng dễ bị hình sự hóa, nên các ngân hàng, nhất là những người liên quan đến các khoản như vậy có tâm lý không muốn xử lý một cách triệt để mà thấy việc chuyển ra ngoại bảng để tiếp tục theo dõi là cách an toàn nhất, vì nó vừa giảm được nợ xấu trong bảng cân đối, vừa cảm thấy an tâm.

Một nguyên nhân khác là nhiều khoản nợ khả năng thu hồi cao, nhưng các ngân hàng vẫn muốn chuyển ra ngoại bảng trước khi cổ phần hóa để làm “của để dành” cho sau này.

Cho đến nay, ngân hàng thương mại quốc doanh vẫn là người cho vay doanh nghiệp nhà nước lớn nhất. Có nhiều lý do: Mối quan hệ truyền thống, cùng hình thức sở hữu, nhu cầu vay lớn và khả năng cho vay lớn (ngân hàng

thương mại cổ phần khó đáp ứng), nếu có chuyện gì thì cùng Nhà nước xử lý. Chỉ cần có 5000 tỷ VND, Nhà nước có thể huy động hơn 100.000 tỷ đồng của xã hội thông qua hệ thống ngân hàng của mình.

Do cùng hình thức sở hữu nhà nước nên trong thời gian dài trước đây, hình thành cách thức cho vay theo “chỉ thị”. Nếu Chính phủ yêu cầu ngân hàng phải cho vay, Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm chuyển nguồn, hoặc bù lãi suất, và trách nhiệm với nợ không thu hồi được. Tuy nhiên, cho vay theo chỉ thị “ngầm” lại không như vậy. Luật các Tổ chức tín dụng ghi rõ, không cá nhân hoặc tổ chức nào có quyền gây sức ép đối với tổ chức tín dụng khi ra quyết định cấp tín dụng. Trên thực tế, sức ép này là hiện hữu, và có khi được chính tổ chức tín dụng tận dụng. Một số cấp chính quyền, ngược lại, coi ngân hàng như kênh tài trợ quan trọng khi kênh ngân sách có khó khăn. Họ gây áp lực cho ngân hàng bỏ qua kỷ luật tín dụng để tài trợ cho những dự án rủi ro. Một số cán bộ ngân hàng “tát nước theo mưa” lợi dụng để chia chác kiếm lợi, làm hại ngân hàng. Quan hệ tiêu cực này dựa trên nhận thức coi ngân hàng “là người dưới quyền”, tiền kiếu gì cũng là của Nhà nước...

Hiện nay, các ngân hàng thương mại Nhà nước đã bước đầu thống kê nợ xấu theo quyết định 493. Tuy nhiên khó có ai thống kê được đâu là nợ xấu do phải thực hiện “các chỉ thị” của các cấp lãnh đạo. Các khoản nợ xấu từ chương trình mía đường, dầu tầm tơ, bò sữa... đang gây ra gánh nặng to lớn cho các ngân hàng

Hậu quả của chất lượng tín dụng yếu kém không chỉ là thất thoát vốn. Sẵn có ngân hàng tài trợ, nhiều dự án kém chất lượng được đưa vào thực hiện, gây tổn thất lớn về nguồn lực ở nhiều địa phương vốn đã rất nghèo. Nhiều cán bộ lợi dụng làm giàu nhanh chóng. Trước mắt, các ngân hàng phải tăng quỹ dự phòng tổn thất để xử lý, dẫn đến giảm nộp ngân sách và giảm khả năng tích lũy. Về lâu dài, ngân sách Nhà nước phải chi trả cho những khoản tổn thất mà ngân hàng đã ứng trước, hoặc do doanh nghiệp nhà nước gây ra.

## **2.7 Nguy cơ từ các ngân hàng nước ngoài :**

Theo số liệu thống kê của Việt Nam cách đây ít lâu, thị phần tín dụng của các ngân hàng thương mại trong nước chiếm tỷ trọng khoảng trên 80% thị trường tín dụng cả nước, trong đó khối quốc doanh chiếm gần 30%; 20% còn lại là của khối ngân hàng liên doanh và ngân hàng nước ngoài.



Trong bối cảnh thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát vừa qua, khi các ngân hàng nội phải đối mặt với hàng loạt khó khăn, thì các ngân hàng ngoại đã tận dụng cơ hội để gia tăng thị phần, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng bán lẻ đầy tiềm năng. Các ngân hàng ngoại như HSBC, ANZ... đã mở rộng khai thác mạnh thị trường này.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, hiện các ngân hàng nước ngoài có thể cung cấp khoảng 1.000 dịch vụ khác nhau cho khách hàng, nhưng ngân hàng nội chỉ cung cấp chưa đến 100 dịch vụ.

Cùng với việc gia tăng thị phần, số lượng nhân viên làm việc cho khối ngân hàng này cũng tăng lên nhanh chóng. Chỉ trong hai năm trở lại đây, nguồn nhân lực của một số ngân hàng nước ngoài lớn tại Việt Nam đã tăng từ 100% - 200%. Thị phần của khối này cũng đang có sự dịch chuyển mạnh.

Theo số liệu thống kê từ 26 ngân hàng nước ngoài với 36 chi nhánh đang hoạt động tại Việt Nam, tính đến hết tháng 8-2008, dư nợ cho vay bằng ngoại tệ của khối đã tăng 77% so với cùng kỳ năm 2007- mức tăng cao nhất trong toàn hệ thống ngân hàng (mức tăng chung là 25,8%)

Theo Trung tâm Thông tin Tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước, tính đến cuối tháng 6-2008, các ngân hàng nước ngoài và liên doanh có tình hình hoạt động tốt hơn nhiều so với các ngân hàng trong nước. Tốc độ tăng trưởng tài sản có và dư nợ của khối này tương ứng khoảng 33% và gần 50% so với mức tăng chung toàn hệ thống ngân hàng là 8% và gần 20%

*Bình luận về sự kiện 2 ngân hàng của Anh Quốc được trao giấy phép thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, bà Dương Thu Hương, Tổng Thư ký Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho rằng, sức ép từ phía các ngân hàng ngoại là cần thiết và là động lực buộc các ngân hàng thương mại trong nước phải vươn lên.*

*Theo ông Phạm Huy Hùng, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank), trước kia thị phần của VietinBank là 20% nhưng đến nay sụt xuống chỉ còn 8%.*

Theo lộ trình gia nhập WTO, sau 5 năm Việt Nam gia nhập WTO, các tổ chức tín dụng nước ngoài sẽ được hưởng các ưu đãi như ngân hàng nội địa. Một cuộc đua tranh khốc liệt được dự báo là sẽ xảy ra.

Thực hiện những cam kết quốc tế về lĩnh vực ngân hàng trong Hiệp định thương mại Việt – Mỹ và đàm phán gia nhập WTO đã và đang đặt ra cho hệ thống ngân hàng thương mại VN những thách thức vô cùng to lớn. Trong đó, ngân hàng là lĩnh vực hoàn toàn mở trong cam kết gia nhập WTO của VN, đến năm 2010 lĩnh vực ngân hàng sẽ mở cửa hoàn toàn các dịch vụ cho khối ngân hàng nước ngoài.

Từ 2006-2010 VN phải thực hiện các cam kết trong khuôn khổ hiệp định khung về hợp tác thương mại và dịch vụ của ASEAN và Hiệp định thương mại Việt – Mỹ như xây dựng môi trường pháp lý cho hệ thống ngân hàng VN phù hợp với thông lệ quốc tế, không hạn chế số lượng các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng trên lãnh thổ VN, không hạn chế về số lượng dịch vụ ngân hàng, không hạn chế việc tham gia góp vốn của phía nước ngoài dưới hình thức tỷ lệ phần trăm tối đa trong số cổ phần nước ngoài nắm giữ. Như vậy, đối với việc gia nhập WTO, chúng ta phải chấp nhận mở cửa hơn nữa các dịch vụ ngân hàng. Các ngân hàng nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc xâm nhập thị trường VN.

*Theo kết quả khảo sát do Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) phối hợp cùng Bộ Kế hoạch và đầu tư thực hiện thì có 42% doanh nghiệp và 50% người dân được hỏi đều trả lời rằng: Khi mở cửa thị trường tài chính, họ sẽ lựa chọn vay tiền từ các ngân hàng nước ngoài chứ không phải là ngân hàng trong nước; và có 50% doanh nghiệp và 62% người dân cho rằng sẽ lựa chọn ngân hàng nước ngoài để gửi tiền vào.*

Với năng lực cạnh tranh dưới trung bình (chỉ đạt 4/10 điểm), các ngân hàng thương mại VN trong nước sẽ phải đối mặt với những thách thức sau:

- Các ngân hàng trong nước sẽ mất dần lợi thế cạnh tranh về khách hàng và hệ thống kênh phân phối. Rủi ro đến với hệ thống ngân hàng trong nước tăng lên do các ngân hàng nước ngoài nắm quyền kiểm soát một số tổ chức trong nước qua hình thức góp vốn, mua cổ phần.
- Hội nhập làm tăng các giao dịch vốn cũng sẽ làm tăng rủi ro của hệ thống ngân hàng trong khi cơ chế quản lý và hệ thống thông tin giám sát của ngân hàng Việt Nam chưa thật tốt, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và hiệu quả.
- Việc mở cửa thị trường tài chính cho các ngân hàng nước ngoài gia nhập thị trường tài chính trong nước làm tăng thêm các đối thủ cạnh tranh có ưu thế hơn về năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh, trình độ công nghệ và quản trị kinh doanh hơn hẳn các ngân hàng VN.

- Với những cam kết về cắt giảm thuế quan và xóa bỏ chính sách bảo hộ của Nhà nước sẽ làm tăng cường độ cạnh tranh đối với các doanh nghiệp VN. Một số doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính và nguy cơ gia tăng nợ quá hạn là khó tránh khỏi cho các ngân hàng VN

## **2.8 Tác động của cơn bão lạm phát :**

Cơn bão lạm phát tấn công vào nước ta thời gian qua đã có tác động mạnh đến các ngân hàng Việt Nam, nhất là giai đoạn 2007-2008

Đề đối phó với tình trạng lạm phát leo thang, Chính phủ đã sử dụng hàng loạt giải pháp kinh tế vĩ mô. Trong đó chính sách thắt chặt tiền tệ luôn được sử dụng một cách triệt để nhất.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc được điều chỉnh tăng liên tục. Lãi suất cơ bản cũng liên tục được Ngân hàng Nhà nước đẩy lên rất cao, qua đó tác động buộc lãi suất của các ngân hàng phải tăng vọt. Lãi suất tiền gửi tăng cao có tác động thu hút mạnh lượng tiền trong lưu thông của người dân. Nhưng bù lại, lãi suất cho vay đầu ra cũng phải tăng theo. Chính điều này, làm cho các doanh nghiệp không dám vay ngân hàng nữa vì nếu vay, họ sẽ không gánh chịu được chi phí sử dụng vốn.

Nhưng họ vẫn phải lao vào cuộc chạy đua lãi suất nhằm tìm kiếm nguồn tiền bù đắp vào những khoản vốn, những khoản nợ đang chết trong thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp trong đà suy thoái kinh tế chung, không có tiền trả nợ ngân hàng, đã tiến hành đảo nợ rất nhiều, nhất là ở những ngân hàng thương mại quốc doanh – nơi thường xuyên bị sức ép phải khống chế tỷ lệ nợ xấu từ Ngân hàng Nhà nước. Hậu quả là ngân hàng vẫn tiếp tục cho vay để nuôi nợ, dẫn đến tình trạng mất vốn ngày càng lớn.

Và do đó, lợi nhuận các ngân hàng thương mại liên tục tuột dốc.

## **2.9 Lạc hậu về công nghệ :**

Hạ tầng công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán lạc hậu, có nguy cơ lạc hậu so với khu vực, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản lý điều hành của Ngân hàng Nhà nước

Đặc biệt là trong xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay, lạc hậu về công nghệ là một vấn đề phải được hết sức lưu ý

### **2.10 Thể chế bất cập, pháp luật chưa đồng bộ :**

Thể chế của hệ thống ngân hàng Việt Nam còn nhiều bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng thiếu đồng bộ, chưa phối hợp với yêu cầu cải cách và lộ trình hội nhập, dẫn đến cơ cấu hệ thống quản trị doanh nghiệp trong các ngân hàng thương mại còn nhiều khiếm khuyết, đặc biệt nổi bật là sự chưa tách bạch giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát, điều hành ngân hàng.

Các ngân hàng nước ta hiện đang bị bó rất nhiều vì môi trường chính sách. Nhìn nhận một cách khách quan, chính môi trường chính sách chưa đồng bộ, thậm chí lạc hậu đã không tạo điều kiện cho ngân hàng bán lẻ phát triển. Các quy định thiên về thủ tục, giấy tờ khiến cho các ngân hàng thương mại dù muốn vẫn khó lòng giản tiện các quy trình, thủ tục cho khách hàng. Để ra một sản phẩm mới, họ phải trải qua rất nhiều bước nhiều khâu xin phép, trình duyệt... Nhiều ngân hàng muốn đổi mới đã phải tính đến chuyện “lách luật”

### **2.11 Cơ cấu hệ thống tài chính mất cân đối :**

Một yếu điểm nữa của thị trường tài chính nước ta là, cơ cấu hệ thống tài chính còn mất cân đối, hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế chủ yếu.

Tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn dài trên 1 năm tại các ngân hàng thương mại chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 30%, còn lại là ngắn hạn dưới 1 năm chiếm tới 70%. Trong khi đó, tỷ lệ tín dụng trung và dài hạn hiện đã ở mức trên 40% và đang có sức ép tăng lên với quá trình công nghiệp hóa của đất nước. Tính chung cả nội tệ và ngoại tệ, thì số vốn huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn chiếm tới khoảng 50% tổng số vốn huy động ngắn hạn. Việc sử dụng vốn cho vay trung và dài hạn ở nước ta hiện nay tới 50% là quá cao, nếu duy trì quá lâu sẽ là yếu tố gây rủi ro lớn và có nguy cơ gây ra thiếu an toàn cho toàn bộ hệ thống”

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, đối với các nước đang phát triển, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, độ tin cậy của đồng tiền còn thấp, huy động vốn dài hạn khó khăn... Chính phủ đều có chính sách cho phép sử dụng một

phần vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, đồng thời áp dụng một số chính sách hỗ trợ để đảm bảo khả năng thanh toán của các ngân hàng. Tuy nhiên, tỷ lệ trên phải có một giới hạn nhất định. Việc sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn ở nước ta hiện nay nếu duy trì quá lâu sẽ là yếu tố gây rủi ro lớn và có nguy cơ gây ra thiếu an toàn cho toàn bộ hệ thống ngân hàng nói riêng và hệ thống tài chính nói chung

## **Phần 3 :**

# **CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG**

# **HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

## **1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC :**

- Nâng cao vị thế của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo vai trò 1 Ngân hàng Trung ương thực sự, độc lập tự chủ trong xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ.

- Xác định mục tiêu chính yếu là ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ – ngân hàng, thực hiện tăng trưởng ổn định nhưng phải đi liền với bền vững

- Tăng cường hiệu lực của Ngân hàng Nhà nước về quản lý, giám sát các giao dịch ngoại hối, tự do hóa giao dịch vãng lai và từng bước nới lỏng kiểm soát các giao dịch vốn một cách thận trọng, phù hợp với lộ trình mở cửa thị trường tài chính.

- Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ các ngân hàng trong nước trước làn sóng hội nhập tài chính quốc tế

- Đổi mới cơ cấu tổ chức của hệ thống ngân hàng từ trung ương xuống các chi nhánh theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực và khả năng xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường có định hướng Xã hội chủ nghĩa
- Cải cách mạnh mẽ và phát triển hệ thống các ngân hàng thương mại theo hướng hiện đại, đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức, có quy mô lớn và hoạt động với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế vào hoạt động kinh doanh ngân hàng.
- Tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo các ngân hàng thương mại có đủ nguồn vốn để tiếp tục tăng vốn điều lệ, tài sản có đi đôi với nâng cao chất lượng và khả năng sinh lời, xử lý dứt điểm nợ tồn đọng
- Bảo đảm quyền kinh doanh của các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết song phương và đa phương đã ký kết với các nước và các tổ chức quốc tế, gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp.
- Tuân thủ các quy định của các Hiệp định song phương với các nước và quy định của WTO về mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng;

## **2. NHỮNG ĐỀ XUẤT VỀ PHÍA NHÀ NƯỚC :**

### **2.1 Xây dựng 1 môi trường pháp lý đồng bộ :**

- Nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trong nước, bên cạnh sự nỗ lực của chính các ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước cần tạo một hành lang pháp lý đồng bộ, tạo điều kiện cho các ngân hàng phát triển.
- Liên quan đến dịch vụ bán lẻ tức là liên quan đến quan hệ dân sự giữa người đi vay và người cho vay. Quan hệ dân sự này cần được thể chế rõ ràng, minh bạch trong quy định, nghĩa vụ của người vay. Luật Dân sự, văn bản hướng dẫn Luật Dân sự, Luật Đất đai... cần có những quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi của người cho vay.
- Đồng thời, các cơ quan thực thi pháp luật cũng phải chú ý giải quyết các vụ tranh chấp, hỗ trợ, giúp ngân hàng thu hồi nợ đọng. Bên cạnh đó, về phía thị

trường cần hình thành thị trường mua bán lại. Đó có thể là thị trường thứ cấp đối với những sản phẩm cho vay tiêu dùng. Ví dụ, thị trường bán lại ô tô, xe máy, căn hộ, chung cư. Để khi người vay không trả được nợ, các ngân hàng có thể thông qua thị trường này bán lại động sản và bất động sản nhanh chóng thu hồi nợ.

## **2.2 Kiểm soát việc can thiệp vào hoạt động tín dụng của chính quyền các cấp :**

- Cán bộ chính quyền các cấp phải học về ngân hàng, đảm bảo không can thiệp sai vào hoạt động ngân hàng. Các cuộc tiếp xúc của Đoàn đại biểu Quốc hội tại một số tỉnh cho thấy, ở địa phương nào, cán bộ lãnh đạo hiểu rõ về ngân hàng, tôn trọng kỷ luật của ngân hàng, địa phương đó sẽ hạn chế những vụ cho vay chất lượng kém.

- Xây dựng nguyên tắc kiểm tra việc cho vay doanh nghiệp nhà nước, hoặc dự án do chính quyền địa phương xây dựng để đảm bảo các quyết định của ngân hàng độc lập với các cấp chính quyền. Qui định chặt chẽ nguồn vốn đối ứng của Ngân sách địa phương trong các dự án này

- Cần kiểm tra thường xuyên việc tuân thủ các luật liên quan tới hoạt động ngân hàng để đảm bảo luật được thực thi đúng và nghiêm túc. Cần có những qui định rõ về dấu hiệu của “chỉ thị ngầm”, “can thiệp của chính quyền các cấp” đối với quyết định cấp tín dụng của ngân hàng thương mại, và các điều khoản phạt, chế tài xử lý nặng, đủ sức răn đe kèm theo.

## **3. NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC :**

### **3.1 Sắp xếp và cơ cấu lại hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam :**

Nhằm tạo ra những ngân hàng có quy mô đủ lớn, đủ năng lực cạnh tranh với các ngân hàng trong nước và nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước cần có cơ chế, lộ trình thích hợp, nhanh chóng và hiệu quả để sắp xếp và cơ cấu lại hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại. Từ đó có những chỉ đạo, những phương án để xử lý dứt điểm nợ tồn đọng, nợ xấu, lành mạnh hóa tình hình tài chính, làm sạch bảng cân đối tiền tệ của các ngân hàng thương mại.

Cơ cấu lại những ngân hàng yếu kém bằng cách buộc tăng đủ vốn hoạt động hoặc sát nhập vào ngân hàng khác hoặc chuyển thành Quỹ tín



dụng nhân dân để hoạt động hoặc tiến hành giải thể, thanh lý hoạt động những ngân hàng này. Chỉ để lại những ngân hàng thật sự lành mạnh về tài chính, có đủ sức bước vào thời kì hội nhập với nền tài chính toàn cầu

### **3.2 Phát triển hệ thống liên ngân hàng :**

- Ngân hàng Nhà nước cần đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống ngân hàng điện tử, kết nối dữ liệu giữa các ngân hàng với nhau
- Có những quy định rõ ràng, cụ thể về cơ chế liên kết hoạt động giữa các ngân hàng với nhau
- Ngân hàng Nhà nước giám sát chặt chẽ hoạt động trên thị trường liên ngân hàng, đảm bảo các hoạt động lành mạnh, loại trừ các giao dịch, các phát sinh, các hoạt động xấu có thể xảy ra

### **3.3 Thay đổi cách điều hành hệ thống ngân hàng :**

Hiện nay, các nước OECD và một số thị trường mới nổi đều áp dụng Hiệp ước Basel II nhằm mục tiêu đảm bảo cho sự an toàn và hiệu quả của hệ thống tài chính. Hiệp ước này ra đời dựa trên việc điều chỉnh Hiệp ước Basel I và bắt đầu áp dụng từ năm 2006. Chính sửa quan trọng trong Basel II là việc không áp dụng một phương pháp, một hệ thống đánh giá duy nhất cho tất cả các ngân hàng với quy mô khác nhau và mức độ đa dạng hóa hoạt động khác nhau.

Điều hành ngân hàng thời hội nhập nên dựa vào những trụ cột cơ bản theo tinh thần của Hiệp ước Basel II, đó là khuyến khích tính chủ động, giám sát và minh bạch thông tin. Theo đó, các ngân hàng thương mại tự chọn cách thức tính toán, đo lường rủi ro cho mình, thiết lập chương trình quản trị rủi ro riêng dựa trên cơ sở của một số phương pháp hiện đại, được dùng rộng rãi nhưng “vừa sức” với khả năng ứng dụng của ngân hàng Việt Nam cũng như khả năng giám sát của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét, có các điều chỉnh cần thiết, rồi xem đó là một bản hợp đồng ghi nhớ mà ngân hàng thương mại phải tuân thủ; định kỳ yêu cầu báo cáo, kiểm tra giám sát việc tuân thủ bản hợp đồng ấy.

Đương nhiên, luật chơi mới của Basel II cũng có nhiều khó khăn trong áp dụng ở những nước đang phát triển, vấn đề là nên sáng tạo theo kiểu áp dụng tư tưởng mà giảm bớt phần kỹ thuật (các mô hình phức tạp mà Basel II đề ra), trong quá trình điều hành. Để áp dụng tư tưởng của Basel II, không nhất thiết phải cần những mô hình quá phức tạp mà có thể có cách vận dụng đơn giản hơn trong trường hợp Việt Nam. Chính các ngân hàng thương mại sẽ là người tư vấn tốt nhất cho Ngân hàng Nhà nước trong vấn đề này.

### **3.4 Xây dựng được chiến lược kinh doanh trung và dài hạn :**

Ngân hàng Nhà nước cần xây dựng và phát triển hoàn thiện một chiến lược kinh doanh trung và dài hạn cho cả hệ thống ngân hàng Việt Nam. Từ đó tiến hành thực hiện, phân bổ về các ngân hàng thương mại. Mục tiêu là liên kết khối ngân hàng cùng hướng đến những mục tiêu kinh tế vĩ mô lâu dài, loại bỏ cung cách làm ăn “ăn xôi, ở thì” tồn tại từ thời bao cấp đến nay

Trong quá trình xây dựng chiến lược phải chú ý một số vấn đề :

- Từng bước xây dựng và định vị thương hiệu của ngân hàng Việt Nam,
- Chú trọng phát triển những sản phẩm, dịch vụ là lợi thế của ngân hàng nước ta
- Xác định cạnh tranh không chỉ ở yếu tố chi phí mà còn ở cả việc cung cấp sản phẩm đa dạng và tiện ích cho khách hàng, ngân hàng phải nỗ lực tạo ra vị thế cạnh tranh đặc thù và mang tính dài hạn.

## **4. NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ PHÍA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI :**

### **4.1 Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng :**

- Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, điều chỉnh lãi suất tiền gửi trung và dài hạn hợp lý. phát triển cho vay tiêu dùng đối với các cá nhân trong nền kinh tế.
- Gia tăng thị phần của các khoản tín dụng có rủi ro thấp và hạ thấp thị phần các khoản tín dụng có rủi ro cao. Thực hiện khoanh vùng những khoản nợ xấu
- Xây dựng qui trình thẩm định tín dụng chuẩn mực, có chất lượng cao, sát sườn với thực tế, phù hợp với điều kiện, bối cảnh kinh tế từng thời kì

Các ngân hàng thương mại cần áp dụng chặt chẽ các biện pháp kiểm soát trước, trong và sau khi cho vay, xem xét việc sử dụng vốn của khách có đúng mục đích hay không, quản lý vốn vay đầu tư có chặt chẽ và hiệu quả hay không.

Đồng thời, các ngân hàng thương mại nhất thiết phải thắt chặt việc chấp hành quy trình tín dụng, thể lệ cho vay đối với tất cả cán bộ tín dụng, cán bộ kinh doanh, các bộ phận có liên quan. Khâu thẩm định dự án cho vay cần được tiến hành mang tính thực chất hơn. Thẩm định bao gồm cả hiệu quả dự án, khả năng tiêu thụ hay đầu ra của thị trường sản phẩm và dịch vụ, giá trị đích thực và tính pháp lý của tài sản đảm bảo tiền vay. Uy tín của dự án của khách hàng, năng lực của chủ dự án,...là những yếu tố không thể bỏ qua trong quá trình thẩm định cho vay.

Chú ý hơn việc định kỳ hạn nợ và gia hạn nợ phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh và thời gian thi công các công trình. Tập trung thu hồi nợ đến hạn và nợ quá hạn, nợ đã xử lý rủi ro, kiên quyết chuyển nợ quá hạn đối với khách hàng đến hạn trả nợ nếu không có lý do chính đáng để gia hạn nợ.

#### **4.2 Xử lý nợ xấu :**

Có rất nhiều cách thức xử lý một khoản nợ xấu phát sinh trong bảng cân đối kế toán. Trong đó, ba cách phổ biến nhất là : (1) bán tài sản đảm bảo hay kiện ra tòa xin phá sản doanh nghiệp để tận thu, phần tổn thất sẽ dùng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý; (2) bán khoản nợ này cho các công ty xử lý nợ (AMC) phần tổn thất cũng dùng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý; (3) dùng quỹ dự phòng rủi ro chuyển toàn bộ khoản nợ ra ngoài bảng rồi tính sau.

Với hai cách đầu, nợ xấu được sẽ xử lý một cách triệt để, các ngân hàng không còn phải bận tâm tới chúng nữa. Ngược lại, đối với cách thứ ba, về bản chất chưa thể gọi là xử lý mà chỉ là kỹ thuật làm sạch bảng cân đối, trong khi gánh nặng vẫn còn nguyên.

Nhiều người bất ngờ về sự thành công ngoài sức tưởng tượng trong các đợt phát hành cổ phiếu lần đầu của các ngân hàng thương mại nhà nước Trung Quốc, nhưng ít ai biết rằng một trong những yếu tố tạo nên sự thành công này là nhờ họ đã “bán đứt” một khối lượng nợ xấu khổng lồ (trên 300 tỉ đô la) cho các AMC độc lập. Điều này đã giúp các ngân hàng tránh được

những rắc rối dai dẳng do các khoản nợ xấu mang lại để rảnh tay thực hiện những mục tiêu dài hạn quan trọng hơn.

Có lẽ, nếu muốn xóa bỏ được gánh nặng nợ xấu đeo đẳng, Việt Nam cũng nên học tập cách thức mà Trung Quốc đã làm. Khi đó, các ngân hàng sẽ rảnh nợ để tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình với mục tiêu duy nhất là lợi nhuận và gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Tập trung quyền phán quyết những món cho vay lớn lên Hội sở chính là biện pháp hạn chế lạm dụng quyền lực của các cấp chính quyền đối với chi nhánh ngân hàng. Chính quyền tỉnh có thể ra chỉ thị với chi nhánh ngân hàng tỉnh, song khó ra chỉ thị với Hội sở chính. Biện pháp này cũng hạn chế động cơ xấu của cán bộ ngân hàng: cho vay dự án của địa phương để lấy thành tích, được bầu vào cấp ủy...

#### **4.3 Tăng cường hiện đại hoá công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán :**

*Theo TS. Đinh Xuân Hạng -Học viện Tài chính, các ngân hàng thương mại, cần tăng mức vốn đầu tư để trang bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, các dự án đầu tư công nghệ cần tính toán kỹ lưỡng để sử dụng công suất phù hợp với chiến lược mở rộng kinh doanh của ngân hàng.*

Xây dựng một nền tảng công nghệ hiện đại đảm bảo các yêu cầu về quản lý nội bộ của ngân hàng, thỏa mãn yêu cầu phát triển của các giao dịch kinh doanh ngày càng đa dạng, yêu cầu quản trị rủi ro, quản trị thanh khoản, có khả năng kết nối với các ngân hàng khác. Phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại trên cơ sở đảm bảo phòng chống được rủi ro, bảo mật và hoạt động an toàn.

Trong hoạt động của ngân hàng, có thể nói công nghệ chính là chìa khóa quan trọng để thúc đẩy sự phát triển, để đưa ngân hàng nước ta tiếp kịp cùng trào lưu quốc tế. Hệ thống xử lý thanh toán nếu hiện đại, nhanh nhạy sẽ khiến hoạt động của ngân hàng nói riêng và hệ thống liên ngân hàng nói chung trơn tru, đem lại hiệu quả cao.

Chính vì vậy, bản thân các ngân hàng cần có chiến lược đầu tư thích hợp, mạnh mẽ, nhanh chóng ứng dụng các công nghệ hiện đại trên thế giới, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu

#### **4.4 Nâng cao trình độ năng lực đội ngũ cán bộ :**

Nhân lực chất lượng cao là động lực để bứt phá. Có thể nói, ngân hàng nào sở hữu đội ngũ nhân lực chất lượng cao là ngân hàng đó đã nắm được chìa khóa để chiến thắng trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt như hiện nay

- Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực ngân hàng với những tiêu chí như năng lực, trình độ, khả năng hội nhập, hiệu quả công tác và phẩm chất đạo đức tốt.

- Nâng cao năng lực cán bộ thông qua nâng cao trình độ quản trị điều hành, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Các ngân hàng nên thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao nghiệp vụ, nâng cao tầm nhận thức về bối cảnh hội nhập quốc tế ... Tổ chức các chuyến đi tham quan thực chất để học hỏi kinh nghiệm, phong thái làm việc của các ngân hàng tiên tiến trên thế giới

- Cần có chính sách rõ ràng trong thu hút cũng như giữ chân người tài để có được đội ngũ cán bộ quản lý tốt. Đồng thời, các ngân hàng Việt Nam nên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ trẻ, có năng lực, có mong muốn cống hiến. Những chương trình bồi dưỡng trình độ dài hạn ở nước ngoài là hết sức cần thiết và quan trọng

#### **4.5 Xây dựng hoàn chỉnh, nâng cao văn hóa ngân hàng :**

Văn hóa ngân hàng là rất quan trọng. Vì nó tác động trực tiếp đến suy nghĩ, tinh thần, đến thái độ, cung cách làm việc của mọi người. Một môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh sẽ có tác dụng kích thích cán bộ công nhân viên tích cực làm việc. Qua đó nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, đem lại kết quả kinh doanh tốt đẹp cho chính ngân hàng

Để “xây dựng” văn hoá kinh doanh của mỗi ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hậu WTO, từng ngân hàng thương mại phải xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển của Ngân hàng của mình trong trung và dài hạn đến 2020.

Mỗi ngân hàng phải tạo được sắc thái, phong thái và cách tiếp cận thị trường riêng mang “màu sắc” của riêng mình. Muốn vậy, cần tập trung sự quan tâm đặc biệt của Hội đồng quản trị vào việc chỉ đạo xây dựng các bộ qui chế hay qui tắc thống nhất trong toàn hệ thống riêng của ngân hàng mình. Các chuẩn mực này phải toàn diện, bao gồm các qui tắc về

phương thức tổ chức cung ứng dịch vụ cho từng nhóm sản phẩm; về phong thái giao tiếp; về Logo và các hình thức kiểu dáng bài trí công sở, kiểu dáng trang phục...; về các hoạt động đối ngoại, hội họp hàng năm cho từng cấp, từng qui mô; về hoàn thiện và quản lý các ấn phẩm, mẫu biểu phát ra thống nhất toàn hệ thống; về nguyên tắc sử dụng và trọng dụng nhân tài nói riêng và khích lệ tập thể người lao động có kiến thức, có tính chuyên nghiệp cao và thống nhất nói chung; về hoàn thiện, quản lý và hoạt động làm giàu phòng Truyền thống của Ngân hàng mình; và về xây dựng bộ qui tắc thống nhất phong cách ứng xử, phương châm đối ngoại, hội nhập thích ứng với từng ngân hàng nước ta ....

Toàn ngân hàng cần thống nhất sống, kinh doanh và cư xử theo đúng các qui tắc của mình một cách bền bỉ và sáng tạo theo thời gian thì tự nhiên bản sắc của ngân hàng đó sẽ dần hình thành, thâm nhuận và thăng hoa. Qua đó cũng sẽ tạo thành một bộ phận quan trọng trong giá trị thương hiệu của ngân hàng

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngân hàng Nhà nước, Tài liệu hội thảo : Các vấn đề cơ bản về Tài chính - Tiền tệ giai đoạn 2000-2010.
2. Nghiệp vụ Ngân hàng hiện đại – TS Nguyễn Ninh Kiều, Nhà xuất bản Thống kê 2008
3. Các website liên tôn :  
[www.vnn.vn](http://www.vnn.vn)  
[www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net)  
[www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn) (website Chính phủ)  
[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) (website Bộ Tài Chính)

[www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn) (website Ngân hàng Nhà nước)  
[www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)